

Số: /QĐ-KKT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu A,
Khu công nghiệp Bang, tỷ lệ 1/2000

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu A, Khu công nghiệp Bang, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch phân khu Khu A, Khu công nghiệp Bang, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Công văn số 1974/SXD-QHKT ngày 20/3/2026 của Sở Xây dựng về việc ý kiến thống nhất về Quy hoạch phân khu Khu A, Khu công nghiệp Bang, tỷ lệ 1/2000.

Theo đề nghị của Phòng Quy hoạch xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 39/QHXD-BCTĐ ngày 08/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu A, Khu công nghiệp Bang, tỷ lệ 1/2000 bao gồm các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu Khu A, Khu công nghiệp Bang có diện tích khoảng 215ha thuộc địa bàn xã Trường Phú, vị trí cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất và đất nghĩa địa;
- Phía Tây Bắc giáp rừng sản xuất, đất ở hiện hữu và đất trồng lúa;
- Phía Tây Nam giáp tuyến điện cao thế 220KV;
- Phía Đông Nam giáp Quốc lộ 9C, rừng sản xuất và hồ Đập Mung.

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Tuân thủ và cụ thể hóa các định hướng của các đồ án Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch chung đã phê duyệt.

- Xây dựng và phát triển Khu công nghiệp đồng bộ về mạng lưới hạ tầng kỹ thuật; tổ chức không gian đảm bảo phát triển bền vững; khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế về phát triển của khu công nghiệp Bang.

- Làm cơ sở pháp lý để kêu gọi đầu tư, triển khai lập dự án đầu tư xây dựng, kế hoạch đầu tư theo từng giai đoạn, quản lý xây dựng, kiểm soát phát triển theo quy hoạch.

3. Tính chất quy hoạch:

Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp tập trung, đầu tư xây dựng đồng bộ về cơ sở hạ tầng để thu hút các dự án sản xuất công nghiệp, kho bãi và dịch vụ

Logistics phù hợp định hướng Quy hoạch chung tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung đô thị Kiến Giang đến năm 2035.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và chỉ tiêu quy hoạch:

4.1. Dự báo sơ bộ các khu chức năng:

- Đất sản xuất công nghiệp (Đất xây dựng nhà máy, nhà điều hành, nhà ăn ca, nhà nghỉ công nhân);
- Khu hành chính, quản lý;
- Đất xây dựng các khu kỹ thuật;
- Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan, mặt nước;
- Đất giao thông + đất khác.

4.2. Dự báo sơ bộ quy mô dân số:

Đất xây dựng nhà máy dự kiến khoảng: 135,6ha (một nhà máy khoảng 2÷3ha bố trí được khoảng 60 nhà máy).

Trung bình 1 nhà máy khoảng có 150□250 CBCNV.

Tổng số CBCNV trong khu công nghiệp là:

150□250 CBCNV x 60 nhà máy = 9.000□15.000 CBCNV.

Khu hành chính, dịch vụ... khoảng 500 người.

Tổng cộng: 9.500□15.500 CBCNV.

4.3. Các chỉ tiêu quy hoạch chính:

4.3.1. Chỉ tiêu về sử dụng đất:

Dự kiến áp dụng cho các ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực như chế biến nông, lâm sản, lắp ráp và sản xuất hàng tiêu dùng, may mặc, lắp ráp điện tử,... tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn và các chỉ tiêu theo đồ án quy hoạch.

+ Đất cây xanh: $\geq 10\%$.

+ Đất giao thông: $\geq 10\%$.

+ Diện tích đất xây dựng các khu kỹ thuật: $\geq 1\%$.

(Đất cây xanh và giao thông không bao gồm đất giao thông, cây xanh trong khuôn viên lô đất các cơ sở sản xuất).

4.3.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

+ Chỉ tiêu cấp nước: Tùy theo từng loại hình công nghiệp để tính toán nhu cầu cấp nước, trung bình mức cấp nước cho công nghiệp khoảng 22m³/ha.

+ Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp: tùy theo vào loại hình công nghiệp và thiết bị, trung bình khoảng 200KW/ha.

+ Thoát nước cho Khu công nghiệp lựa chọn hệ thống cống thoát riêng biệt: bao gồm hệ thống cống thoát nước mưa và hệ thống cống thoát nước thải. Nước thải công nghiệp sau khi được xử lý trong nhà máy đạt tiêu chuẩn cho phép mới dẫn về khu xử lý bằng hệ thống đường ống ngầm chung của khu công nghiệp. Tỷ lệ thu gom bằng 80% tỷ lệ cấp nước.

+ Tiêu chuẩn chất thải rắn: Rác thải công nghiệp dự kiến 1tấn/ngày-ha.

Các chỉ tiêu môi trường, tiếng ồn, khí thải, rác thải, nước thải, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, khoảng cách ly, hành lang hạ tầng kỹ thuật... theo

tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành hiện hành.

5. Các nội dung chính của quy hoạch:

5.1 Phân khu chức năng và định hướng phát triển không gian:

5.1.1 Cơ cấu tổ chức không gian:

- Trên cơ sở cơ cấu không gian của điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kiến Giang cũ, giữ nguyên mặt cắt và hướng tuyến của các tuyến đường liên quan cũng như chức năng sử dụng đất các khu vực xung quanh ranh giới khu công nghiệp.

- Căn cứ vào hiện trạng khu vực đã được khảo sát và bản đồ địa chính xã Trường Phú. Từ đó bố trí các tuyến đường kết nối với các tuyến đường chính xung quanh khu vực. Bố trí các trục đường dọc, đường ngang đối nội đảm bảo hợp lý, chiều rộng từ 15÷32m tạo thành các khu đất bố trí các chức năng như đất sản xuất công nghiệp; khu hành chính, dịch vụ; khu hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng liên quan khác.

- Khu công nghiệp dành phần lớn quỹ đất để bố trí đất sản xuất công nghiệp, kho bãi. Bên cạnh đó bố trí các khu chức năng liên quan như khu hành chính, dịch vụ; khu hạ tầng kỹ thuật; cây cảnh cách ly, cảnh quan, mương thoát lũ...đảm bảo hợp lý theo địa hình và công năng hoạt động của khu công nghiệp.

- Xung quanh ranh giới khu công nghiệp được bố trí các dải cây xanh cách ly rộng từ 10÷50m để giảm thiểu ô nhiễm môi trường các khu vực lân cận.

5.1.2 Tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc:

- Mật độ xây dựng tối đa của đất sản xuất công nghiệp, kho bãi là 60%, chiều cao tối đa là 5 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa của đất hành chính, dịch vụ là 60%, chiều cao tối đa là 5 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa của đất cây xanh + nghĩa địa là 15%, chiều cao tối đa là 1 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa của đất cây xanh cách ly, cảnh quan là 5%, chiều cao tối đa là 1 tầng.

- Mật độ xây dựng tối đa của đất hạ tầng kỹ thuật là 60%, chiều cao tối đa là 1 tầng.

- Tầng cao tối đa được quy định ở trên chỉ áp dụng cho các công trình văn phòng, nhà kho, nhà xưởng, công trình phụ trợ. Riêng chiều cao của các dây chuyền sản xuất, thiết bị công nghệ không khống chế chiều cao.

- Tổ chức trồng nhiều cây xanh xung quanh khu vực quy hoạch để cải thiện điều kiện khí hậu và môi trường.

5.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực lập quy hoạch phân Khu A, Khu công nghiệp Bang được bố trí các khu chức năng chính sau: Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi; Đất hành chính, dịch vụ; Đất cây xanh, mặt nước; Đất hạ tầng kỹ thuật; Đất giao thông.

Đối với đất sản xuất công nghiệp, kho bãi chỉ được bố trí nhà máy có cấp độc hại từ cấp II đến cấp V. Đảm bảo khoảng cách ly an toàn với các công trình công cộng và nhà ở xung quanh tương đương từ 500m đến 50m.

Bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất.

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐ XD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (tầng)	Hệ số SDD	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất khu vực lập quy hoạch			2.150.000,0				100,00
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi	CN	1.355.698,9	60	5	3,00	63,06
1.1	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi hiện trạng	CN.HT	99.113,7	60	5	3,00	4,61
1.2	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi có mức độ độc hại cấp IV-V	CN.A	440.899,1	60	5	3,00	20,51
1.3	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi có mức độ độc hại cấp III-V	CN.B	614.381,7	60	5	3,00	28,58
1.4	Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi có mức độ độc hại cấp II-V	CN.C	201.304,4	60	5	3,00	9,36
2	Đất hành chính - dịch vụ	HC-DV	139.351,1	60		3,00	6,49
3	Đất cây xanh - mặt nước		395.350,0				18,39
3.1	Đất cây xanh (cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan, hành lang an toàn QL9C, hành lang bảo vệ)	CX	243.068,3	5	1	0,05	11,30
3.2	Đất cây xanh - nghĩa địa hiện trạng	CX-NĐ	69.790,4	15	1	0,15	3,25
3.3	Đất mặt nước (kênh, mương thoát nước lũ, mương thủy lợi hoàn trả)	MN	82.491,3				3,84
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	30.717,0	60	1	0,60	1,43
5	Đất giao thông		228.703,0				10,63

Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa là 60%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có dưới 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 70%.

Khoảng lùi các công trình được quy định cụ thể như sau: Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi và đất hành chính, dịch vụ có chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ và ranh giới lô đất là 6m.

Các khu vực được xác định cho phép xây dựng công trình ngầm là các khu đất sản xuất công nghiệp, kho bãi và đất hành chính, dịch vụ.

Tầng ngầm được xây dựng tối đa là 1 tầng.

Chiều cao tầng ngầm tối đa là 3m so với cos vỉa hè.

Chỉ giới xây dựng tầng ngầm của các công trình trùng với ranh giới các lô đất và chỉ giới đường đỏ các trục đường bao quanh.

Đối với các khu vực nhà máy có phân cấp độ hại loại II-V có thể xem xét đánh giá thực hiện đối với các nhà máy có phân cấp độ hại loại I sử dụng công nghệ hiện đại, các giải pháp môi trường để nâng cấp độ hại đảm bảo khoảng cách ly an toàn về môi trường theo quy định.

5.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.3.1 Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

a. San nền:

- Trên cơ sở định hướng quy hoạch chung, đặc điểm địa hình tự nhiên, khu vực lập quy hoạch san nền cục bộ theo từng khu chức năng. Cao độ san nền từ +4,5m đến +20,0m.

- Trên cơ sở cao độ khống chế của các trục đường giao thông, cao độ thiết kế san nền thấp dần về hướng các trục đường giao thông.

- San nền toàn bộ các lô đất được đầu tư cơ sở hạ tầng, riêng khu vực các hồ điều hòa và hệ thống kênh mương thoát nước, cây xanh sẽ không san nền.

b. Thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống mương hở thoát nước để đấu nối với các tuyến mương, cống, tràn thoát nước từ bên ngoài vào khu vực lập quy hoạch, ngăn không cho nước mưa chảy tràn ra các tuyến đường và các khu vực lân cận. Mương thoát nước thiết kế với khẩu độ bằng và lớn hơn khẩu độ cống, khe nước tự nhiên hiện có ở phía Đông chảy qua đường Hồ Chí Minh và tràn hồ Đập Mung.

- Trong phạm vi khu vực lập quy hoạch, dọc theo các tuyến đường, thiết kế các tuyến cống thoát nước có khẩu độ từ D800-D1500 bố trí trên vỉa hè các tuyến đường giao thông, chảy vào các tuyến mương chính. Dọc theo hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 9C và khoảng cách ly cây xanh, tổ chức các tuyến mương thu nước M1000, chảy theo địa hình tự nhiên.

5.3.2. Quy hoạch giao thông:

Trên cơ sở khung giao thông định hướng trong đồ án quy hoạch chung, trong khu vực quy hoạch mạng lưới giao thông được tổ chức như sau:

a. Đường đối ngoại:

- Quy hoạch tuyến đường rộng 32,0m làm trục ngang chính. Theo hướng Đông Nam đi Quốc lộ 9C, theo hướng Tây Bắc đi đường quy hoạch rộng 15,0m.

- Quy hoạch tuyến đường rộng 22,5m làm trục dọc chính. Theo hướng Nam đi đường Hồ Chí Minh, theo hướng Bắc đi trục đường bao phía Bắc và khu dân cư cũ.

- Quy hoạch tuyến đường rộng 15,0m, theo hướng Tây Nam đi đường Hồ Chí Minh, theo hướng Đông Bắc đi khu dân cư cũ.

- Quốc lộ 9C được quy hoạch rộng 22,5m kết nối từ thị trấn Kiến Giang qua khu vực quy hoạch đi đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Bắc Nam. Đoạn cuối tuyến được nắn chỉnh và hoàn trả.

b. Đường đối nội:

Trên cơ sở các tuyến giao thông đối ngoại, trong khu vực quy hoạch mạng lưới giao thông đối nội được thiết kế với các cấp đường (đường chính khu vực, đường khu vực, đường phân khu vực) có khoảng cách hợp lý theo quy định để phân chia các khu vực và kết nối đến các ô chức năng trong khu vực quy hoạch. Các tuyến đường nội bộ có mặt cắt ngang rộng từ 15,0m đến 22,5m.

5.3.3. *Quy hoạch cấp nước:*

Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước hồ Phú Hoà và bổ sung nguồn nước từ hệ thống cấp nước từ hồ An Mã với tổng nhu cầu cấp nước khoảng 4.500m³/ng.đêm.

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước là mạng chung cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt và nước cứu hoả, đấu nối với tuyến ống cấp nước D250 hiện có thuộc hệ thống cấp nước hồ Phú Hoà. Dự phòng đấu nối với hệ thống cấp nước đô thị Kiến Giang cũ bằng tuyến ống D250 dọc theo Quốc lộ 9C.

- Thiết kế hệ thống mạng lưới vòng DN250-D100 phân phối nước cho toàn bộ khu vực quy hoạch. Từ mạng vòng bố trí các tuyến ống cấp nước đến các khu chức năng. Trên các tuyến ống bố trí các tê chờ để chờ đấu nối cho các nhà máy và các khu chức năng.

- Đường ống đặt trên vỉa hè độ sâu chôn ống dưới đất tối thiểu từ 0,5m.

- Các họng cứu hoả được bố trí trên hệ thống đường ống chính, khoảng cách tối đa giữa các họng phù hợp với quy định. Vị trí họng cứu hoả được bố trí tại vỉa hè các tuyến đường, đảm bảo thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

5.3.4. *Quy hoạch hệ thống năng lượng:*

Nguồn điện: Lấy nguồn từ lưới điện 22KV thông qua trạm biến áp 110/35/22KV.

- Xây dựng đường dây 22KV đi từ điểm đầu nối đến vị trí TBA trong khu vực lập quy hoạch, ngoài ra các khu vực bố trí chức năng công cộng và thương mại dịch vụ có nhu cầu công suất lớn được bố trí trạm riêng.

5.3.5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông:

- Khu vực quy hoạch được định hướng phát triển cơ sở hạ tầng thông tin có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng với dung lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, hoạt động hiệu quả, tạo điều kiện để toàn khu vực cùng khai thác, làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực quy hoạch.

- Mạng lưới cáp thông tin được bố trí đi ngầm dọc theo vỉa hè các tuyến đường; các trạm thu phát sóng thông tin di động được bố trí tại các khu cây xanh, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng cho các trạm BTS.

- Mạng truyền hình đảm bảo cung cấp dịch vụ truyền hình cho cộng đồng sống và làm việc trong khu vực quy hoạch. Nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai hệ thống thu phát tín hiệu thông qua thiết bị của nhà cung cấp hoặc cáp tín hiệu hữu tuyến. Mạng cáp truyền hình sẽ đi trong hệ thống cống bê tông của toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc.

5.3.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

Nước thải công nghiệp, nước thải sản xuất và sinh hoạt của công nhân được xử lý riêng tại trạm xử lý chung cho toàn khu vực lập quy hoạch, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Công suất trạm xử lý tính toán bằng 100% tổng nhu cầu cấp nước sản xuất và sinh hoạt. Tổng công suất trạm xử lý nước thải khoảng 3.500m³/ng.đêm. (Đối với các dự án đầu tư xây dựng có phát sinh nước thải trước khi đưa vào sử dụng mà hệ thống thoát nước thải chung theo định hướng quy hoạch chung, quy hoạch phân khu chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ và chưa đưa vào hoạt động để có thể đầu nối thoát nước thải của dự án thì dự án cần phải có hệ thống xử lý nước thải riêng để xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn phát thải theo quy định trước khi cho tự thấm hoặc đổ vào hệ thống thoát nước mưa và thoát ra nguồn tiếp nhận khác tại các vị trí phù hợp).

Thiết lập các tuyến cống thoát nước thải D315-D500 thu gom nước thải sản xuất và sinh hoạt từ các nhà xưởng công nghiệp, các công trình dịch vụ công cộng đầu nối về trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung.

Độ sâu chôn cống trên vỉa hè của các tuyến thoát nước thải dọc đường tối thiểu là 1,0m.

Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy. Bố trí các hố ga, khoảng cách giữa các hố ga từ 30÷45m.

b. Các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý chất thải độc hại tập trung nên các nhà máy trong khu công nghiệp phải tự xử lý chất thải độc hại, tuân theo

Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam. Các rác thải không độc hại sẽ được thu gom lại và chuyển đến bãi tập kết rác thải của khu công nghiệp.

- Các nhà máy cần phân loại chất thải ngay tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ (kim loại, thủy tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất thải rắn vô cơ được định kì thu gom và tận dụng tối đa đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi chôn lấp tại khu xử lý chất thải rắn chung. Chất thải rắn độc hại các nhà máy phải có phương án xử lý riêng.

- Chất thải rắn thông thường của khu công nghiệp được đưa đi chôn lấp và xử lý tại bãi rác thải chung của khu vực được quy hoạch tại xã Trường Thủy cũ (cách khu công nghiệp 5km).

(Chi tiết có hồ sơ phê duyệt quy hoạch phân khu, quy định quản lý quy hoạch kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Quy hoạch Xây dựng

- Hoàn chỉnh hồ sơ, xuất bản, đóng dấu thẩm định và tổ chức lưu trữ theo đúng quy định.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch; cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan liên quan và nhân dân trong khu vực quy hoạch biết và thực hiện.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; giám sát hoạt động xây dựng, bảo đảm phù hợp với đồ án quy hoạch phân khu được duyệt.

2. Các phòng và đơn vị liên quan

Phối hợp với phòng Quy hoạch Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức quản lý quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ban, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trưởng Ban; các PT Ban;
- Sở Xây dựng (b/cáo);
- UBND xã Trường Phú (p/hợp);
- Lưu: VT, QHXD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Tiến Duật